

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3569/2010/QĐ - UBND

Việt Trì, ngày 08 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Ban hành Quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án
khoa học và công nghệ tỉnh Phú Thọ.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án khoa học và công nghệ tỉnh Phú Thọ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký, ban hành. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (Đã ký)

**QUY ĐỊNH
ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH PHÚ THỌ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3569 /2010/QĐ - UBND ngày 08 /11/2010
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định việc đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả các đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở, cấp tỉnh và các Bộ, Ngành Trung ương triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, bao gồm: đề tài, dự án khoa học xã hội, đề tài, dự án khoa học công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là đề tài, dự án).

2. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện đề tài, dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu

Việc đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Căn cứ vào hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là hợp đồng) đã được ký kết với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các nội dung đánh giá được quy định tại quy định này.

2. Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, trung thực và chính xác.

3. Tiến hành đúng quy trình, thủ tục quy định tại quy định này.

Điều 3. Phương thức đánh giá

1. Đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án cấp cơ sở: Chỉ đánh giá 1 lần ở cấp cơ sở (đánh giá tại cơ quan chủ trì).

2. Đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án cấp tỉnh được tiến hành theo 2 cấp: cấp cơ sở và cấp tỉnh.

a. Đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở là cơ sở để đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh; chỉ thực hiện đánh giá kết quả thực đề tài, dự án.

b. Đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh gồm đánh giá kết quả thực hiện đề tài, dự án và đánh giá việc tổ chức thực hiện đề tài, dự án.

3. Đối với đề tài, dự án cấp Nhà nước: Thực hiện theo quy định cụ thể của từng chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Điều 4. Kinh phí tổ chức đánh giá, nghiệm thu

1. Kinh phí đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án cấp cơ sở; đánh giá cấp cơ sở đề tài cấp tỉnh được lấy từ kinh phí thực hiện đề tài, dự án.

2. Kinh phí đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh lấy từ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ của tỉnh hàng năm.

3. Chi phí phát sinh để hoàn thiện các sản phẩm, tài liệu của đề tài, dự án theo yêu cầu của hội đồng cấp cơ sở và cấp tỉnh do tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án tự trang trải.

Chương II.

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP CƠ SỞ

Điều 5. Hồ sơ và thời hạn nộp hồ sơ

1. Bộ hồ sơ đánh giá, nghiệm thu gồm:

a. Báo cáo tổng hợp kết quả của đề tài, dự án (theo mẫu tại phụ lục A1 kèm theo quy định này);

b. Quyết định phê duyệt đề tài, dự án;

c. Hợp đồng nghiên cứu khoa học;

d. Biên bản thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý;

e. Báo cáo quyết toán tài chính của đề tài, dự án;

f. Những tài liệu và sản phẩm khác của đề tài, dự án với số lượng và yêu cầu như đã nêu trong quyết định phê duyệt và hợp đồng.

2. Thời hạn nộp hồ sơ:

a. Chậm nhất là đến thời điểm kết thúc thời gian thực hiện đề tài, dự án theo quyết định phê duyệt, chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm nộp 10 bộ hồ sơ đánh giá cho cơ quan chủ trì đề tài, dự án, trong đó có ít nhất một (01) bộ gốc.

b. Trường hợp không đảm bảo thời hạn nộp hồ sơ theo quy định nêu trên, chủ nhiệm đề tài, dự án phải có văn bản đề nghị cho gia hạn thời gian đánh giá (theo mẫu tại phụ lục A2 kèm theo quy định này), nếu được gia hạn thì thời gian không quá 30

ngày tính từ thời điểm kết thúc thời gian thực hiện theo quyết định phê duyệt và cũng chỉ được gia hạn 1 lần.

Điều 6. Hội đồng, trách nhiệm hội đồng

1. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu do thủ trưởng cơ quan chủ trì đề tài, dự án hoặc thủ trưởng các Sở, ban, ngành, huyện, thành, thị (đối với các đề tài, dự án do các cơ quan chuyên môn thuộc Sở, ban, ngành, huyện, thành, thị chủ trì thực hiện) quyết định thành lập và có nhiệm vụ tư vấn cho thủ trưởng cơ quan trong việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, dự án.

2. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu có từ 5 -7 thành viên, gồm: Chủ tịch, 02 uỷ viên phản biện, 01 thư ký và các uỷ viên. Chủ nhiệm đề tài, dự án và các cá nhân tham gia trực tiếp đề tài, dự án không được tham gia hội đồng.

3. Trách nhiệm hội đồng đánh giá, nghiệm thu:

a. Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu nhận xét, đánh giá kết quả đề tài, dự án.

b. Đánh giá trung thực, khách quan, chính xác kết quả nghiên cứu và chịu trách nhiệm về nhận xét, bỏ phiếu đánh giá xếp loại đề tài, dự án.

c. Kiến nghị về việc công bố, sử dụng, ứng dụng kết quả của đề tài, dự án.

d. Không được công bố, cung cấp thông tin về kết quả của đề tài, dự án khi chưa được sự đồng ý của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

4. Trách nhiệm của chủ tịch hội đồng, uỷ viên phản biện và thư ký hội đồng:

a. Chủ tịch hội đồng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì quyết định tổ chức và chủ trì phiên họp của hội đồng; xác nhận bằng văn bản việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu của chủ nhiệm đề tài, dự án theo kết luận của hội đồng.

b. Uỷ viên phản biện có trách nhiệm thẩm định, nhận xét, đánh giá sâu sắc và toàn diện kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án.

c. Thư ký hội đồng có trách nhiệm giúp chủ tịch hội đồng kiểm tra, chuẩn bị tài liệu và các điều kiện cần thiết khác cho phiên họp hội đồng; xây dựng và hoàn thiện biên bản kết luận phiên họp của hội đồng.

Điều 7. Phiên họp hội đồng

1. Thành phần tham dự phiên họp của hội đồng gồm: thành viên hội đồng; đại diện cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Phiên họp của hội đồng được tiến hành khi đáp ứng các điều kiện sau:

a. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này và gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất là 03 ngày trước phiên họp;

b. Ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt, trong đó có chủ tịch hội đồng và uỷ viên phản biện;

c. Sự có mặt của chủ nhiệm đề tài, dự án để giải trình các vấn đề liên quan đến kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án.

3. Chương trình làm việc của phiên họp hội đồng:

a. Thư ký hội đồng đọc Quyết định thành lập hội đồng và giới thiệu đại biểu tham dự phiên họp.

b. Chủ tịch hội đồng quán triệt mục đích, yêu cầu, nguyên tắc làm việc của hội đồng; thông qua chương trình phiên họp.

c. Chủ nhiệm đề tài, dự án trình bày tóm tắt kết quả tổ chức triển khai thực hiện và kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án.

d. Các uỷ viên phản biện trình bày bản nhận xét đối với đề tài, dự án.

e. Các thành viên hội đồng phát biểu ý kiến nhận xét, đánh giá kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án và nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm đề tài, dự án.

f. Thư ký đọc bản nhận xét của các thành viên hội đồng vắng mặt (nếu có) để hội đồng tham khảo.

g. Các đại biểu tham dự phát biểu ý kiến (nếu có)

h. Chủ nhiệm đề tài, dự án và các cộng sự trả lời câu hỏi của hội đồng và đại biểu dự.

i. Hội đồng biểu quyết, bầu ban kiểm phiếu.

k. Hội đồng thảo luận riêng, thành viên chấm điểm, bỏ phiếu chấm điểm.

l. Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả bỏ phiếu.

m. Chủ tịch hội đồng tóm tắt ý kiến của hội đồng, xin ý kiến hội đồng về các ý kiến bổ sung, sửa đổi để hoàn thiện đề tài, dự án và kết luận phiên họp.

n. Hội đồng thông qua biên bản và kết thúc phiên họp.

Điều 8. Đánh giá, nghiệm thu và xếp loại đề tài, dự án

1. Nội dung đánh giá, nghiệm thu kết quả đề tài, gồm:

a. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm chính của đề tài so với quyết định phê duyệt;

b. Cách tiếp cận, các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng, độ tin cậy của các thiết bị nghiên cứu.

c. Tính trung thực của kết quả nghiên cứu, giá trị khoa học và tính thực tiễn của đề tài.

d. Tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và logic của báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và các tài liệu kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...)

Việc đánh giá, nghiệm thu được thực hiện theo mẫu tại phụ lục A3-1; A3-3 kèm theo quy định này.

2. Nội dung đánh giá kết quả dự án, gồm:

a. Tổ chức triển khai thực hiện;

b. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án.

c. Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính.

d. Tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và logic của báo cáo tổng hợp kết quả dự án và các tài liệu kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...).

Việc đánh giá, nhận xét kết quả thực hiện dự án theo mẫu tại phụ lục A3-2 kèm theo quy định này.

3. Xếp loại đề tài, dự án:

Hội đồng đánh giá, nghiệm thu, xếp loại đề tài, dự án ở 2 loại: "Đạt" và "Không đạt" cụ thể như sau:

a. Đề tài dự án xếp loại "Đạt" gồm 3 mức như sau:

- Đề tài, dự án xếp loại "Xuất sắc" là đề tài, dự án đáp ứng các quy định tại khoản 1 (đối với đề tài), khoản 2 (đối với dự án) của Điều này và được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp bỏ phiếu xếp loại "Xuất sắc".

- Đề tài, dự án xếp loại "Khá" là đề tài, dự án đáp ứng các quy định tại khoản 1 (đối với đề tài), khoản 2 (đối với dự án) của Điều này và được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp bỏ phiếu xếp loại "Khá" trở lên.

- Đề tài, dự án xếp loại "Đạt" là đề tài, dự án phải được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp bỏ phiếu xếp loại "Đạt" trở lên.

b. Đề tài, dự án xếp loại "Không đạt" nếu không đáp ứng được các yêu cầu nêu tại khoản 1 (đối với đề tài), khoản 2 (đối với dự án) của Điều này.

Việc xếp loại đề tài, dự án được thực hiện theo mẫu tại phụ lục A4-1; A4-2; A4-3 và A5 kèm theo quy định này.

Điều 9. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu

1. Đối với đề tài, dự án được hội đồng đánh giá xếp loại "Đạt" trở lên, thời gian trong vòng 15 ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng, chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của hội đồng.

2. Trường hợp đề tài, dự án xếp loại "Không đạt" nhưng được hội đồng kiến nghị cho gia hạn thì Thủ trưởng cơ quan chủ trì xem xét gia hạn thời gian thực hiện đề hoàn thiện các nội dung nghiên cứu nhưng không quá 30 ngày.

Việc đánh giá lại được thực hiện theo nội dung và trình tự của quy định này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi đề tài, dự án.

3. Thủ trưởng cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ vào kết luận của hội đồng đánh giá, nghiệm thu cơ sở, xem xét, xử lý theo quy định hiện hành đối với các trường hợp sau:

a. Không được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này.

b. Được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức "Không đạt".

4. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm lưu giữ bản gốc hồ sơ đánh giá, nghiệm thu của đề tài, dự án; gửi 1 bộ hồ sơ cho cơ quan quản lý.

B. ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP TỈNH

I. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP TỈNH

Điều 10. Hồ sơ và thời hạn nộp hồ sơ

1. Bộ hồ sơ đánh giá cơ sở gồm:

a. Báo cáo tổng hợp kết quả của đề tài, dự án (theo mẫu tại phụ lục A1 kèm theo quy định này);

b. Báo cáo thống kê kết quả thực hiện đề tài, dự án (theo mẫu tại phụ lục A1 kèm theo quy định này);

c. Quyết định phê duyệt đề tài, dự án của cơ quan có thẩm quyền;

d. Hợp đồng nghiên cứu khoa học;

e. Biên bản thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ;

f. Báo cáo quyết toán tài chính của đề tài, dự án;

g. Những tài liệu và sản phẩm khác của đề tài, dự án với số lượng và yêu cầu như đã nêu trong quyết định phê duyệt và hợp đồng:

- Đối với đề tài, dự án khoa học công nghệ: tài liệu về kết quả đo đạc, kiểm định, đánh giá, thử nghiệm các sản phẩm của đề tài, dự án do các tổ chức có thẩm quyền thực hiện. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án (nếu có); bản vẽ thiết kế (đối với sản phẩm là máy, thiết bị...), các số liệu điều tra, khảo sát gốc, sổ nhật ký hoặc sổ số liệu gốc của đề tài, dự án.

- Đối với đề tài khoa học xã hội: các ấn phẩm công bố, xuất bản trong quá trình thực hiện đề tài; các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến công bố, xuất bản, tiếp nhận, sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài.

2. Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá cơ sở:

a. Chậm nhất là đến thời điểm kết thúc hợp đồng, chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm nộp 10 bộ hồ sơ đánh giá cho cơ quan chủ trì đề tài, trong đó có ít nhất một (01 bộ gốc).

b. Trường hợp không đảm bảo thời hạn nộp hồ sơ theo quy định nêu trên, chủ nhiệm đề tài, dự án phải có văn bản đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ cho gia hạn thời gian đánh giá (theo mẫu tại phụ lục A2 kèm theo quy định này), nếu được gia hạn thì thời gian không quá 30 ngày tính từ thời điểm kết thúc hợp đồng và cũng chỉ được gia hạn 1 lần.

Điều 11. Hội đồng, trách nhiệm hội đồng

1. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở do thủ trưởng cơ quan chủ trì đề tài, dự án quyết định thành lập; có nhiệm vụ tư vấn cho thủ trưởng cơ quan chủ trì trong việc đánh giá kết quả thực hiện đề tài, dự án theo hợp đồng nghiên cứu khoa học.

2. Hội đồng đánh giá cơ sở có từ 5 -7 thành viên, gồm: Chủ tịch, 02 uỷ viên phản biện, 01 thư ký và các uỷ viên. Chủ nhiệm đề tài, dự án và các cá nhân tham gia trực tiếp đề tài, dự án không được tham gia hội đồng.

3. Trách nhiệm hội đồng đánh giá cấp cơ sở:

a. Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, nhận xét, đánh giá kết quả đề tài, dự án.

b. Đánh giá trung thực, khách quan, chính xác kết quả nghiên cứu và chịu trách nhiệm cá nhân về nhận xét, bỏ phiếu đánh giá xếp loại đề tài, dự án.

c. Kiến nghị về việc công bố, sử dụng, ứng dụng kết quả của đề tài, dự án.

d. Không được công bố, cung cấp thông tin về kết quả của đề tài, dự án khi chưa được sự đồng ý của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

4. Trách nhiệm của chủ tịch hội đồng, uỷ viên phản biện và thư ký:

a. Chủ tịch hội đồng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì quyết định tổ chức và chủ trì phiên họp của hội đồng; xác nhận bằng văn bản việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của chủ nhiệm đề tài, dự án theo kết luận của hội đồng.

b. Uỷ viên phản biện có trách nhiệm thẩm định, nhận xét, đánh giá sâu sắc và toàn diện kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án.

c. Thư ký hội đồng có trách nhiệm giúp chủ tịch hội đồng kiểm tra, chuẩn bị tài liệu và các điều kiện cần thiết khác cho phiên họp hội đồng; xây dựng và hoàn thiện biên bản kết luận phiên họp của hội đồng.

Điều 12. Phiên họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở

1. Thành phần tham dự phiên họp của hội đồng đánh giá cấp cơ sở gồm: thành viên hội đồng; đại diện cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Phiên họp của hội đồng được tiến hành khi đáp ứng các điều kiện sau:

a. Hồ sơ đánh giá cơ sở hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Quy định này và gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất là 03 ngày trước phiên họp;

b. Ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt, trong đó có chủ tịch hội đồng và uỷ viên phản biện;

c. Sự có mặt của chủ nhiệm đề tài, dự án để giải trình các vấn đề liên quan đến kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án.

3. Chương trình làm việc của phiên họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở được thực hiện theo khoản 3 Điều 7 Quy định này.

Điều 13. Đánh giá cấp cơ sở và xếp loại đề tài, dự án

1. Nội dung đánh giá kết quả đề tài, gồm:

a. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm chính của đề tài so với hợp đồng.

b. Cách tiếp cận, các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng, độ tin cậy của các thiết bị nghiên cứu.

c. Tính trung thực của kết quả nghiên cứu, giá trị khoa học và tính thực tiễn của đề tài.

d. Tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và logic của báo cáo tổng hợp kết quả đề tài và các tài liệu kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...).

Việc đánh giá được thực hiện theo mẫu tại phụ lục B1-1; B1-3 kèm theo quy định này.

2. Nội dung đánh giá kết quả dự án, gồm:

a. Tổ chức triển khai thực hiện.

b. Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án.

c. Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính.

d. Tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và logic của báo cáo tổng hợp kết quả dự án và các tài liệu kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...).

Việc đánh giá được thực hiện theo mẫu tại phụ lục B1-2 kèm theo quy định này.

3. Xếp loại đề tài, dự án:

Hội đồng đánh giá cấp cơ sở xếp loại đề tài, dự án ở mức "đạt" hoặc "không đạt" cụ thể như sau:

a. Đề tài, dự án xếp loại "đạt" là đề tài, dự án đáp ứng các quy định tại khoản 1 (đối với đề tài), khoản 2 (đối với dự án) của Điều này và được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt tại phiên họp bỏ phiếu xếp loại "đạt"

Đề tài, dự án xếp loại "đạt" sẽ được đánh giá cấp tỉnh.

b. Đề tài, dự án xếp loại "không đạt" nếu không đáp ứng được các yêu cầu nêu tại điểm a khoản 3 Điều này.

Việc xếp loại đề tài, dự án được thực hiện theo mẫu tại phụ lục B2-1; B2-2; B2-3 và B3 kèm theo quy định này.

Điều 14. Xử lý kết quả đánh giá cấp cơ sở

1. Đối với đề tài, dự án được hội đồng đánh giá xếp loại "đạt", thời gian trong vòng 20 ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng đánh giá cơ sở, chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của hội đồng.

Cơ quan chủ trì phối hợp với chủ tịch hội đồng kiểm tra, giám sát, xác nhận việc hoàn thành hồ sơ để chuẩn bị cho đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh (theo mẫu tại phụ lục B5 kèm theo quy định này).

2. Trường hợp đề tài, dự án xếp loại "không đạt" có thể được xem xét gia hạn thời gian thực hiện để hoàn thiện các nội dung nghiên cứu nhưng không quá 60 ngày theo quy định sau:

a. Để được xem xét gia hạn đề tài, dự án phải được hội đồng đánh giá kiến nghị gia hạn, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm phải có văn bản đề nghị (kèm theo hồ sơ, biên bản đánh giá cấp cơ sở và phương án xử lý) gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

b. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định và thông báo ý kiến về việc gia hạn đối với đề tài, dự án.

c. Việc đánh giá lại được thực hiện theo nội dung và trình tự của quy định này nhưng không quá 01 lần đối với mỗi đề tài, dự án.

3. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan liên quan căn cứ vào kết luận của hội đồng đánh giá cấp cơ sở xem xét xử lý theo quy định hiện hành đối với các trường hợp sau:

a. Không được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này.

b. Được gia hạn theo quy định nêu tại khoản 2 Điều này nhưng kết quả đánh giá lại vẫn ở mức "không đạt".

4. Cơ quan chủ trì có trách nhiệm lưu giữ bản gốc hồ sơ đánh giá cơ sở của đề tài, dự án.

II. TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CẤP TỈNH

Điều 15. Hồ sơ và thời hạn nộp hồ sơ

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án cấp tỉnh gồm các tài liệu sau:

a. Công văn đề nghị của cơ quan chủ trì gửi Sở Khoa học và Công nghệ (theo mẫu tại phụ lục B6 kèm theo quy định này).

b. Hồ sơ đánh giá cấp cơ sở nêu tại Điều 10 đã được bổ sung, hoàn thiện theo yêu cầu của hội đồng đánh giá cơ sở.

c. Quyết định thành lập hội đồng và biên bản đánh giá cấp cơ sở.

2. Thời hạn nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đề tài, dự án cấp tỉnh:

a. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có kết luận của hội đồng đánh giá cơ sở, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm nộp 10 bộ hồ sơ đánh giá cho Sở Khoa học và công nghệ, trong đó có ít nhất một (01 bộ gốc).

b. Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ theo quy định hoặc yêu cầu cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (trường hợp cần thiết).

Thời điểm nộp hồ sơ hợp lệ được Sở Khoa học và Công nghệ ghi biên nhận (theo mẫu tại phụ lục B8 kèm theo quy định này);

Trường hợp không đảm bảo thời hạn nộp hồ sơ theo quy định nêu trên, cơ quan chủ trì đề tài, dự án phải có văn bản đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ gia hạn thời gian đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, nếu được gia hạn thì thời gian không quá 30 ngày tính từ thời điểm kết thúc họp đồng và cũng chỉ được gia hạn 1 lần.

Điều 16. Hội đồng, trách nhiệm hội đồng

1. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập, có nhiệm vụ tư vấn giúp UBND tỉnh trong đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài, dự án theo quy định.

2. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh có từ 7 - 9 thành viên, gồm chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 thư ký và các thành viên khác, cụ thể như sau:

a. 2/3 số thành viên là các nhà khoa học, có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án;

b. 1/3 số thành viên đại diện cho các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức sản xuất, kinh doanh có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, các tổ chức khác có liên quan.

3. Điều kiện đối với các thành viên hội đồng cấp tỉnh

a. Có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án;

b. Có uy tín về khoa học, sẵn sàng tham gia hội đồng đánh giá, nghiệm thu với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, khách quan;

c. Chủ nhiệm đề tài, dự án và thành viên chính tham gia thực hiện đề tài không được làm thành viên của hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh;

4. Trách nhiệm và quyền hạn của các thành viên hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh:

- a. Nghiên cứu hồ sơ, nhận xét kết quả đề tài, dự án;
- b. Chịu trách nhiệm cá nhân về những nhận xét, đánh giá, xếp loại và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng đối với kết quả đề tài, dự án;
- c. Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi công bố chính thức, không được sử dụng kết quả của đề tài, dự án trái quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;
- d. Trong trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án cung cấp tài liệu cần thiết phục vụ cho việc đánh giá, nghiệm thu;
- e. Chủ tịch, uỷ viên phản biện và thư ký hội đồng ngoài trách nhiệm và quyền hạn của thành viên còn có trách nhiệm sau:
 - Chủ tịch hội đồng phối hợp với cơ quan chủ trì quyết định tổ chức và chủ trì phiên họp hội đồng; xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm đề tài, dự án theo ý kiến kết luận của hội đồng;
 - Uỷ viên phản biện có trách nhiệm thẩm định, nhận xét, đánh giá sâu sắc và toàn diện về kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án và gửi phiếu nhận xét đề tài, dự án cho Hội đồng đánh giá cấp tỉnh 02 ngày trước phiên họp Hội đồng;
 - Thư ký giúp chủ tịch hội đồng kiểm tra các điều kiện cần thiết để tiến hành phiên họp của hội đồng; kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; xây dựng và hoàn thiện biên bản kết luận của phiên họp hội đồng.

Điều 17. Phiên họp của hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh

1. Thành phần tham dự phiên họp của hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh gồm: thành viên hội đồng, đại diện cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án, các tổ chức, cá nhân có liên quan;
2. Phiên họp hợp lệ của hội đồng phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - a. Có ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt, trong đó có chủ tịch hội đồng và uỷ viên phản biện;
 - b. Hồ sơ đánh giá đã được gửi tới các thành viên trước phiên họp ít nhất trước 3 ngày;
 - c. Sự có mặt của chủ nhiệm đề tài, dự án để giải trình các vấn đề liên quan đến kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án.Trường hợp đặc biệt chủ nhiệm đề tài không thể có mặt tại phiên họp của hội đồng thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho 01 thành viên chính tham gia thực hiện trách nhiệm của chủ nhiệm đề tài, dự án.
3. Chương trình làm việc của phiên họp hội đồng đánh giá cấp tỉnh được thực hiện theo khoản 3 Điều 7 quy định này.

Điều 18. Nội dung đánh giá, chấm điểm và xếp loại đề tài, dự án

1. Nội dung đánh giá kết quả đề tài:

a. Đề tài khoa học xã hội:

- Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, các sản phẩm chính của đề tài so với yêu cầu của hợp đồng (báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu, các sản phẩm khoa học công bố (sách chuyên khảo, bài báo khoa học), kết quả đào tạo cán bộ khoa học...(tối đa 25 điểm);

- Sự phù hợp của cách tiếp cận, các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng (tối đa 10 điểm);

- Giá trị khoa học của đề tài: tính mới, tính sáng tạo của sản phẩm; tính hệ thống, lô gíc, đầy đủ, lập luận phân tích rõ ràng của báo cáo khoa học (tối đa 25 điểm);

- Ý nghĩa thực tiễn của đề tài (tối đa 20 điểm);

- Kết quả nghiên cứu được công bố (tối đa 10 điểm);

- Kết quả vượt trội của đề tài (tối đa 10 điểm).

Việc đánh giá kết quả đề tài khoa học xã hội được ủy viên hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh thực hiện theo mẫu tại phụ lục B9-3 kèm theo quy định này.

b. Đề tài khoa học công nghệ:

- Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế (tối đa 15 điểm);

- Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính so với yêu cầu của hợp đồng (tối đa 25 điểm);

- Chất lượng và yêu cầu đạt được của sản phẩm chính so với yêu cầu của hợp đồng (tối đa 25 điểm);

- Chất lượng của báo cáo tổng hợp và tài liệu cần thiết kèm theo: tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn...(tối đa 10 điểm);

- Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo, ấn phẩm...) ở các tạp chí trong và ngoài nước (tối đa 5 điểm);

- Kết quả đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật (tối đa 2 điểm);

- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng (tối đa 3 điểm);

- Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ (tối đa 5 điểm);

- Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường (tối đa 10 điểm);

Việc đánh giá kết quả đề tài được ủy viên hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh thực hiện theo mẫu tại phụ lục B9-1 kèm theo quy định này.

c. Dự án khoa học công nghệ:

- Tổ chức triển khai dự án (điểm tối đa 15);

- Mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại các sản phẩm khoa học công nghệ chính của dự án so với yêu cầu của hợp đồng (tối đa 25 điểm);

- Mức độ hoàn thiện công nghệ, chất lượng và yêu cầu khoa học đạt được của các sản phẩm chính so với hợp đồng thông qua tài liệu công nghệ, chất lượng của sản phẩm tạo ra, quy mô sản xuất... (điểm tối đa 30);

- Chất lượng của báo cáo tổng hợp và tài liệu cần thiết kèm theo: tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn... (tối đa 10 điểm);

- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng (tối đa 3 điểm);

- Chất lượng sản phẩm, trình độ khoa học của sản phẩm vượt mức đăng ký so với hợp đồng hoặc có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ (tối đa 2 điểm);

- Tác động đối với kinh tế, xã hội và môi trường (tối đa 15 điểm).

Việc đánh giá kết quả dự án được ủy viên hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh thực hiện theo mẫu tại phụ lục B9-2 kèm theo quy định này.

2. Nguyên tắc chấm điểm:

a. Việc chấm điểm đánh giá kết quả đề tài, dự án căn cứ theo nội dung quy định tại khoản 1 của Điều này.

b. Phiếu chấm điểm hợp lệ là phiếu có số điểm thấp hơn hoặc bằng số điểm tối đa ghi trong phiếu dùng cho từng nội dung đánh giá.

c. Điểm của đề tài, dự án là điểm trung bình của tổng số điểm ghi trong các phiếu đánh giá hợp lệ.

3. Xếp loại kết quả đề tài, dự án (theo mẫu tại phụ lục B10-1; B10-2; B10-3 kèm theo quy định này)

Căn cứ vào kết quả chấm điểm đề tài, dự án hội đồng đánh giá xếp loại đề tài, dự án thành 2 loại: "Đạt" và "Không đạt".

a. Đề tài, dự án xếp loại "**Đạt**" được chia thành 3 mức:

- Đề tài, dự án xếp loại "**Xuất sắc**"

+ Đối với đề tài khoa học xã hội: đạt từ 90 đến 100 điểm, trong đó, phần đánh giá mức độ đầy đủ số lượng, khối lượng các sản phẩm chính của đề tài đạt 25 điểm, giá trị khoa học và thực tiễn đạt từ 30 điểm trở lên.

+ Đối với đề tài, dự án khoa học công nghệ: đạt từ 90 đến 100 điểm, trong đó đạt điểm tối đa về phương pháp nghiên cứu, mức độ đầy đủ về số lượng, chất lượng sản phẩm khoa học theo yêu cầu phải đạt 60 điểm (đối với đề tài), 70 điểm (đối với dự án) và có bài đăng trên báo, tạp chí khoa học, có sản phẩm vượt mức chất lượng, yêu cầu khoa học so với hợp đồng và có ý nghĩa lớn về khoa học, công nghệ.

Trường hợp đề tài đủ các tiêu chuẩn trên, nhưng nộp hồ sơ nghiệm thu chậm so với quyết định phê duyệt và hợp đồng nghiên cứu hoặc phải gia hạn thì chỉ được xếp ở mức cao nhất là loại khá.

- Đề tài xếp loại **“Khá”**

+ Đối với đề tài khoa học xã hội: đạt từ 80 đến dưới 90 điểm, trong đó, phần đánh giá mức độ đầy đủ số lượng, khối lượng các sản phẩm chính của đề tài đạt 25 điểm, giá trị khoa học và thực tiễn đạt từ 30 điểm trở lên. .

+ Đối với đề tài, dự án khoa học công nghệ : đạt từ 75 đến dưới 90 điểm, trong đó đạt điểm về phương pháp nghiên cứu, mức độ đầy đủ về số lượng, chất lượng sản phẩm khoa học theo yêu cầu từ 50 trở lên (đối với đề tài), 60 điểm trở lên (đối với dự án) và bài đăng trên báo hoặc tạp chí khoa học.

Trường hợp đề tài đủ các tiêu chuẩn trên, nhưng nộp hồ sơ nghiệm thu chậm so với quyết định phê duyệt và hợp đồng nghiên cứu hoặc phải gia hạn thì chỉ được xếp ở mức trung bình.

- Đề tài, dự án xếp loại **“Trung bình”**

+ Đối với đề tài khoa học xã hội: đạt từ 70 điểm đến dưới 80 điểm.

+ Đối với đề tài, dự án khoa học công nghệ: đạt từ 60 đến dưới 75 điểm, trong đó đạt điểm về phương pháp nghiên cứu, mức độ đầy đủ về số lượng, chất lượng sản phẩm khoa học theo yêu cầu phải đạt 50 điểm trở lên (đối với đề tài), 60 trở lên (đối với dự án).

b. Đề tài xếp loại **"Không đạt"**

- Đối với đề tài khoa học xã hội có tổng điểm dưới 70 điểm.

- Đối với đề tài khoa học công nghệ có tổng điểm dưới 60 điểm; dự án khoa học công nghệ có tổng điểm dưới 65 điểm.

Điều 19. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có kết quả đánh giá xếp loại của hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm:

a. Đối với đề tài, dự án được xếp loại "Đạt":

- Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đánh giá nghiệm thu theo ý kiến của hội đồng.
- Tiến hành việc kiểm kê, bàn giao tài sản, thực hiện việc thanh, quyết toán tài chính của đề tài, dự án theo quy định hiện hành.

- Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm nộp báo cáo kết quả nghiên cứu, các giấy xác nhận việc kiểm kê, bàn giao tài sản, thanh quyết toán về Sở Khoa học và Công nghệ.

b. Đối với đề tài, dự án xếp loại "Không đạt":

- Trường hợp hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh kiến nghị cho nghiệm thu lại, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định việc gia hạn để sửa chữa, hoàn thiện hồ sơ, thời gian tối đa là 60 ngày kể từ ngày có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh.

- Trường hợp hội đồng đánh giá nghiệm thu đề nghị đình chỉ hoặc đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh lần thứ 2 mà vẫn không đạt, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, xử lý theo quy định tại Điều 11, Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN ngày 4/2/2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo kết luận của hội đồng đánh giá cấp tỉnh.

2. Việc lưu giữ, bảo quản các văn bản, tài liệu, hồ sơ đánh giá, nghiệm thu của đề tài, dự án được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN, ngày 16/3/2007 về việc ban hành quy chế đăng ký, lưu giữ và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

C. ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU ĐỀ TÀI, DỰ ÁN CẤP NHÀ NƯỚC

Điều 20: Hồ sơ, trình tự, nội dung, xếp loại, xử lý kết quả đánh giá nghiệm thu

Đối với các đề tài, dự án cấp Nhà nước uỷ quyền địa phương quản lý và do trung ương quản lý: Các bước đánh giá; yêu cầu hồ sơ, thời hạn nộp hồ sơ; Hội đồng và trách nhiệm hội đồng; phiên họp Hội đồng; đánh giá, nghiệm thu và xếp loại; xử lý kết quả đánh giá nghiệm thu đối với từng chương trình cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương III CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THÀNH LÝ HỢP ĐỒNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21: Công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án

Việc công nhận kết quả đề tài, dự án được áp dụng đối với cả hai trường hợp được đánh giá ở mức “Đạt và “Không đạt”.

1. Nội dung công nhận kết quả được thực hiện bao gồm:

- a. Kết quả đánh giá đề tài, dự án;
- b. Kết quả việc tổ chức thực hiện;

2. Tài liệu để được công nhận gồm:

- a. Biên bản họp Hội đồng đánh giá cấp Nhà nước;
- b. Bản đánh giá tổ chức thực hiện đề tài, dự án (theo mẫu tại phụ lục B13 kèm theo Quy định này);
- c. Bản xác nhận đã đăng ký, lưu giữ kết quả đề tài, dự án;

d. Báo cáo về việc hoàn thiện Hồ sơ đánh giá nghiệm thu (theo mẫu tại Phụ lục B14 kèm theo Quy định này).

3. Công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án:

a. Các phòng chức năng của Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp các tài liệu nêu tại khoản 2 Điều này đối với các đề tài, dự án cấp tỉnh và cấp Nhà nước do Trung ương uỷ quyền quản lý, trình Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định công nhận. Hội đồng khoa học và công nghệ sở, ngành, huyện, thành, thị, cơ quan đơn vị, cơ quan chủ quản đề tài, dự án cấp cơ sở tổng hợp các tài liệu nêu tại khoản 2 điều này trình thủ trưởng cơ quan đơn vị ra quyết định công nhận.

b. Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan chủ quản có trách nhiệm xem xét ra quyết định công nhận kết quả đánh giá (theo mẫu tại Phụ lục B15 kèm theo Quy định này).

Điều 22. Thanh lý hợp đồng

1. Khi kết thúc đề tài, dự án chủ nhiệm đề tài, tổ chức chủ trì phải thực hiện nộp báo cáo quyết toán cho cơ quan có thẩm quyền.

2. Sau khi có quyết định công nhận kết quả đánh giá Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan chủ quản thực hiện đánh giá, kiểm kê và bàn giao sản phẩm, tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đề tài, dự án.

3. Việc thanh lý hợp đồng giữa các bên tham gia ký hợp đồng được tiến hành sau khi có kết quả quyết toán và kiểm kê tài sản của đề tài, dự án.

Điều 23. Xử lý vi phạm

1. Chủ nhiệm đề tài, dự án tùy theo trường hợp và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét và xử lý, cụ thể như sau:

a. Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan chủ quản xem xét xử lý theo khoản 3, điều 5 của Quy định về tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học cấp tỉnh kèm theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 16/01/2007 của UBND tỉnh đối với các trường hợp:

- Kết quả đánh giá nghiệm thu ở mức “Không đạt” và không được chấp nhận gia hạn thời gian thực hiện đề hoàn chỉnh kết quả;

- Đề tài, dự án bị các cơ quan quản lý có thẩm quyền đình chỉ trong quá trình thực hiện do vi phạm các nguyên tắc quản lý;

- Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi đối với dự án theo hợp đồng;

- Nộp hồ sơ đánh giá không đúng thời gian đã quy định tại khoản 2 Điều 5; khoản 2 Điều 10 hoặc khoản 2 Điều 15 của Quy định này.

b. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý về tài chính đối với kinh phí của đề tài, dự án (có kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền) hoặc phát hiện hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực kết quả đánh

giá mức “Đạt” sẽ bị hủy bỏ và xử lý theo mức “Không đạt” và không được làm chủ nhiệm các đề tài, dự án cấp tỉnh, cấp nhà nước trong trong thời hạn 3 năm.

c. Trường hợp không thực hiện việc đăng ký, lưu giữ kết quả đề tài, dự án sẽ không được giao chủ nhiệm đề tài, dự án cấp tỉnh, cấp nhà nước cho đến khi hoàn thành các thủ tục này theo quy định.

2. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án sẽ không được giao chủ trì thực hiện các đề tài dự án cấp tỉnh, cấp nhà nước trong các trường hợp sau:

a. Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi đối với dự án theo hợp đồng;

b. Có từ 01 đề tài, dự án cấp tỉnh hoặc cấp nhà nước đã quá hạn đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở từ 12 tháng trở lên.

Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định.

3. Công chức, viên chức của tổ chức chủ trì đề tài, dự án và cơ quan quản lý KH&CN vi phạm các quy định đánh giá, nghiệm thu sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Luật cán bộ, công chức.

4. Thành viên hội đồng đánh giá vi phạm quy định đánh giá thì bị xử phạt theo quy định tại Nghị định 127/2005/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/5/2005 về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN và không được mời tham gia hội đồng đánh giá trong thời hạn 03 năm kể từ khi có quyết định xử phạt.

5. Trường hợp phát hiện hội đồng vi phạm quy định đánh giá, cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu hội đồng sửa đổi, bổ sung, đánh giá lại hoặc thành lập hội đồng mới để bảo đảm việc đánh giá được thực hiện khách quan, chính xác, đúng quy định.

Điều 24. Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền khiếu nại về các quyết định hành chính, kết quả đánh giá của hội đồng; cá nhân có quyền tố cáo các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức đánh giá đề tài, dự án.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Cơ quan chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm tạo điều kiện để Hội đồng làm việc, cung cấp tài liệu, trả lời những chất vấn liên quan đến kết quả nghiên cứu, chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu đã cung cấp.

Điều 26. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức triển khai, giám sát việc triển khai thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc, các ngành, các cấp, các đơn vị, tổ chức và cá nhân có trách nhiệm kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Khánh (Đã ký)